

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC YẾU TỐ VI MÔ ĐẾN ĐÒN BẢY TÀI CHÍNH TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Đỗ Thị Thu Thủy

Viện Ngân hàng - Tài chính, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: thuydt3108@gmail.com

Nguyễn Hương Giang

Viện Ngân hàng - Tài chính, Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Email: giangnhck@neu.edu.vn

Nguyễn Thanh Tùng

Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Vạn Xuân

Ngày nhận: 5/4/2016

Ngày nhận bản sửa: 25/4/2016

Ngày duyệt đăng: 25/5/2016

Tóm tắt:

Việc nghiên cứu tác động của các yếu tố vi mô đến đòn bẩy tài chính tại các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam giúp các nhà quản trị ngân hàng đưa ra những chính sách phát triển phù hợp, đặc biệt trong giai đoạn toàn bộ hệ thống ngân hàng đang được tái cấu trúc. Bài viết ứng dụng phương pháp phân tích định lượng để đánh giá tác động của các yếu tố nội tại đến đòn bẩy tài chính tại các NHTM. Đồng thời, bài viết nêu ra thực trạng của việc tính toán và sử dụng hệ số đòn bẩy tài chính tại các NHTM. Từ đó, bài viết đưa ra một số khuyến nghị trong việc ứng dụng kết quả phân tích định lượng để điều chỉnh các yếu tố nội tại nhằm đem đến hiệu quả cao của việc sử dụng đòn bẩy tài chính tại các NHTM Việt Nam.

Từ khóa: Đòn bẩy tài chính ngân hàng thương mại, yếu tố vi mô ngân hàng thương mại.

Evaluating the impact of microelements to the financial leverage at commercial banks in Vietnam

Abstract:

The study of the impact of microelements on the financial leverage at commercial banks (CBs) in Vietnam would help bank managers make suitable policy decisions, especially in the period of restructuring of the banking system. This research applied quantitative analytical methods to evaluate the impact of these elements on financial leverage, then to analyse the situation of the calculation and use of financial leverage ratio at CBs. Based on the findings, the author gave some recommendations regarding the application of quantitative analysis to the microelements to create high efficiency of the use of financial leverage in the CBs in Vietnam.

Key words: the financial leverage at commercial banks, microelements, financial leverage of commercial banks.

1. Đặt vấn đề

Đòn bẩy tài chính của doanh nghiệp nói chung và trong các ngân hàng thương mại (NHTM) nói riêng được hiểu là việc kết hợp giữa nợ phải trả và vốn chủ sở hữu trong chính sách tài chính của doanh

nh nghiệp. Về mặt lý thuyết đòn bẩy tài chính sẽ rất lớn trong các doanh nghiệp có tỷ trọng nợ phải trả cao hơn tỷ trọng của vốn chủ sở hữu. Ngược lại, đòn bẩy tài chính sẽ thấp khi tỷ trọng nợ phải trả nhỏ hơn tỷ trọng của vốn chủ sở hữu. Nghiên cứu về sử dụng

đòn bẩy tài chính và các yếu tố tác động đến đòn bẩy tài chính là cần thiết bởi kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp cho các nhà quản trị và nhà phân tích một công cụ quan trọng trong hoạch định chính sách tài chính của doanh nghiệp.

Theo các công trình nghiên cứu về đề tài này, đòn bẩy tài chính thường gắn với một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường mà chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về các yếu tố tác động lên đòn bẩy tài chính trong hoạt động của các NHTM, đặc biệt là các yếu tố vi mô. NHTM là một doanh nghiệp đặc biệt hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ với đặc trưng là vốn chủ sở hữu chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu nguồn vốn và hoạt động của ngân hàng chứa đựng nhiều rủi ro tiềm ẩn, vì vậy vấn đề đòn bẩy tài chính của NHTM được đặc biệt quan tâm. Những quy định đầu tiên đối với đòn bẩy tài chính của NHTM được áp dụng tại Basel I với hệ số an toàn vốn (CAR) và được phát triển thêm trong các quy định của Basel II, Basel III về lượng vốn chủ sở hữu tối thiểu, hệ số an toàn vốn tối thiểu mà các tổ chức tín dụng phải có nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh. Cụ thể, lượng vốn chủ sở hữu tối thiểu mà các tổ chức tín dụng phải có nhằm đáp ứng nhu cầu của Basel II là:

$$\text{Vốn yêu cầu} = 0,08 \times \text{Tổng tài sản theo cấp độ rủi ro} + \text{Vốn phòng ngừa rủi ro thương mại} + \text{Vốn phòng ngừa rủi ro vận hành}$$

Còn tại Basel III xác định rõ hơn mức quy định về tỷ lệ đòn bẩy tài chính khi cho rằng hệ số an toàn vốn chưa đủ để đánh giá độ ổn định của ngân hàng. Cụ thể tỷ lệ này được tính dựa trên tổng tài sản không theo trọng số rủi ro và được yêu cầu phải lớn hơn 3%. Trong đó:

$$\text{Tỷ lệ đòn bẩy tài chính} = \text{Vốn cấp 1} / \text{Tổng tài sản}$$

Tại Việt Nam hiện nay, hệ thống các NHTM đã bắt đầu bước vào giai đoạn 2 của Đề án cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng (TCTD) giai đoạn 2011 - 2015, theo Quyết định 254/QĐ-TTg với mục tiêu áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế về an toàn hoạt động ngân hàng theo Basel II trước năm 2018 và thực hiện Basel III vào năm 2020. Tuy vậy, hiện nay các nghiên cứu về đòn bẩy tài chính trong hoạt động của các NHTM mới chỉ dừng lại ở việc phân tích, đánh giá cơ cấu vốn, chính sách sử dụng vốn mà chưa có nghiên cứu định lượng về các yếu tố vi mô tác động đến đòn bẩy tài chính. Từ việc khám phá ra khoảng trống trong các nghiên cứu, bài viết sẽ vận dụng phương pháp phân tích định lượng đánh giá tác động của các yếu tố vi mô đến đòn bẩy tài

chính của các NHTM. Từ đó, bài viết đưa ra một số khuyến nghị chính sách trong thời gian tới đối với công tác quản lý, sử dụng đòn bẩy tài chính tại các NHTM.

2. Cơ sở lý luận

Trong các doanh nghiệp, hệ số đòn bẩy tài chính được xác định bằng tỷ lệ Nợ phải trả/Tổng tài sản. Những yếu tố tác động đến hệ số này tại các doanh nghiệp nói chung hay các NHTM nói riêng được nghiên cứu trong khá nhiều công trình. Các nghiên cứu thực nghiệm của Octavia & Brown (2008), Gropp & Heidder (2009) đều có chung nhận định rằng các yếu tố tác động đến đòn bẩy tài chính của NHTM bao gồm: (1) lợi nhuận, (2) tài sản thế chấp, (3) quy mô ngân hàng, (4) tốc độ tăng trưởng ngân hàng và (5) tổng sản phẩm quốc nội.

Cụ thể như sau: *Lợi nhuận* là kết quả cuối cùng của quá trình kinh doanh, do đó, đây là phần lợi ích được phân phối cho các chủ nợ và chủ sở hữu của Ngân hàng. Vì vậy, việc lựa chọn tỷ lệ đòn bẩy tài chính bao nhiêu luôn được cân nhắc đến phần lợi ích mà các bên nhận được. Theo các nghiên cứu thực nghiệm về các yếu tố tác động đến cấu trúc vốn trong doanh nghiệp phi tài chính thì lợi nhuận tác động ngược chiều lên đòn bẩy tài chính. Có nghĩa là khi doanh nghiệp có lợi nhuận càng nhiều thì càng ít đi vay nợ.

Đồng thời, các bài viết phân tích về trật tự phân hạng được xây dựng nền móng đầu tiên bởi Myers & Majluf (1984), dựa trên nền tảng từ những nghiên cứu của Donaldson (1961), đã đưa ra những bằng chứng cho thấy các doanh nghiệp ưu tiên sử dụng nguồn tài trợ nội bộ và chỉ cân nhắc đến nguồn tài trợ bên ngoài (nợ và phát hành cổ phần mới) trong những trường hợp mà nhu cầu vốn gia tăng bất thường. Vận dụng nhận định này có thể thấy rằng, các chủ thể trong nền kinh tế thường quyết định tài trợ phần lớn cho hoạt động của mình bằng nợ vay. Khi các NHTM quyết định cho vay, yếu tố *tài sản thế chấp* là rất quan trọng, giúp các NHTM đánh giá khả năng tài chính của khách hàng, qua đó tài sản thế chấp có ảnh hưởng đến cơ cấu nguồn vốn của NHTM và đòn bẩy tài chính. Lý thuyết về bất cân xứng thông tin (*Asymmetric information*) được các nhà khoa học Akerlof, Spence & Stiglitz (2001) phát triển và cho rằng những người vay vốn không có thông tin xác thực, đầy đủ và kịp thời nên rủi ro thường xảy ra đối với ngân hàng. Điều này hàm ý rằng việc người vay vốn có nhiều tài sản thế chấp sẽ tăng tính minh bạch thông tin, giảm tính bất cân xứng thông tin giữa người vay vốn và bản thân các

NHTM, qua đó ảnh hưởng đến cấu trúc vốn của ngân hàng và đòn bẩy tài chính.

Mô hình hồi quy tác động cố định (*Fixed effect model*) là một dạng mở rộng của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển. Ý tưởng của mô hình như sau:

$$Y_{it} = \beta_1 X_{it1} + \beta_2 X_{it2} + v_i + \varepsilon_{it} \quad (1)$$

Sai số của mô hình hồi quy tuyến tính cổ điển được tách làm hai thành phần. Thành phần v_i đại diện cho các yếu tố không quan sát được khác nhau giữa các đối tượng nhưng không thay đổi theo thời gian. Thành phần ε_{it} đại diện cho những yếu tố không quan sát được khác nhau giữa các đối tượng và thay đổi theo thời gian.

Nghiên cứu của Gropp & Heiddler (2009) về các yếu tố quyết định cơ cấu vốn ngân hàng tại Mỹ và 15 nước thuộc Cộng đồng chung châu Âu (EU) trong giai đoạn 1991 - 2004 đưa ra mô hình kiểm định các yếu tố tác động lên đòn bẩy tài chính tại các ngân hàng, được phát triển từ ý tưởng của mô hình (1) như sau:

$$LEV_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 MTB_{i,t-1} + \beta_2 PROF_{i,t-1} + \beta_3 \ln(SIZE)_{i,t-1} + \beta_4 COLL_{i,t-1} + \beta_5 DIV_{i,t-1} + v_i + \varepsilon_{it} \quad (2)$$

Các biến giải thích trong mô hình bao gồm giá trị thị trường trên giá trị sổ sách của tài sản (Market to book ratio), quy mô ngân hàng (Size), lợi nhuận (Profitability) và cổ tức trả cho nhà đầu tư (Dummy for dividend payers). Nghiên cứu đã chỉ ra rằng các biến lợi nhuận, quy mô ngân hàng và tài sản thế chấp có tác động mạnh đến đòn bẩy tài chính của các NHTM.

Nghiên cứu của Octavia & Brown (2008) về các yếu tố quyết định cơ cấu vốn ngân hàng tại các nước đang phát triển, khi kiểm định mô hình với 120 ngân hàng của 10 nền kinh tế đang phát triển trong giai đoạn 1996 - 2005, kết quả chỉ ra rằng có 4 yếu tố cơ bản tác động đến cơ cấu vốn của các NHTM, qua đó có ảnh hưởng đến đòn bẩy tài chính đó là: lợi nhuận (Profitability), quy mô ngân hàng (Size), giá trị tài sản thế chấp (Collateral value) và tăng trưởng của các NHTM (Grow).

3. Sử dụng phương pháp phân tích định lượng đánh giá tác động của các yếu tố vi mô đến đòn bẩy tài chính tại các ngân hàng thương mại Việt Nam

3.1. Xây dựng mô hình thực nghiệm

Bài nghiên cứu sử dụng mô hình tác động cố định. Đây là mô hình phù hợp để nghiên cứu mối quan hệ kinh tế, một biến phụ thuộc với các biến giải thích quan sát được và một hoặc nhiều biến không quan sát được.

Từ những phân tích trên, với thực tế tại Việt Nam, có thể thiết lập mô hình đánh giá tác động của các yếu tố vi mô đến đòn bẩy tài chính của ngân hàng như sau:

$$LEV_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 PROF_{i,t-1} + \beta_2 SIZE_{i,t-1} + \beta_3 COLL_{i,t-1} + \beta_4 GROW_{i,t-1} + u_i$$

Trong đó các biến được giải thích:

- Đòn bẩy tài chính $LEV = 1 - (VCSH / \text{Tổng tài sản})$
- Lợi nhuận: $PROF = \text{LNST} / \text{Tổng tài sản}$
- Quy mô: $SIZE = \text{Log}(\text{Tổng tài sản})$
- Tỷ lệ tài sản thế chấp: $COLL = \text{Tổng tài sản thế chấp} / \text{Tổng tài sản}$

Trong đó:

Tổng tài sản thế chấp = Tiền mặt, vàng bạc, đá quý + Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước + Chứng khoán kinh doanh + Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác + Chứng khoán đầu tư + Góp vốn, đầu tư dài hạn + Tài sản cố định hữu hình

- Tăng trưởng tổng tài sản:

$$\text{Tổng TS}(t) - \text{Tổng TS}(t-1)$$

$$GROW = \frac{\text{Tổng TS}(t) - \text{Tổng TS}(t-1)}{\text{Tổng TS}(t-1)}$$

Tổng TS(t-1)

Để đánh giá tác động của các yếu tố vi mô lên tỷ lệ đòn bẩy tài chính của các NHTM Việt Nam, nhóm nghiên cứu sử dụng dữ liệu được tổng hợp dựa trên báo cáo tài chính của các NHTM. Các NHTM được lựa chọn trong nghiên cứu có điều kiện là:

- Loại hình ngân hàng: NHTM nhà nước, NHTM cổ phần, NHTM liên doanh và NHTM nước ngoài;
- Vốn điều lệ: 3.000 tỷ đồng (Theo Nghị định số 141/2006/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ, đến hết năm 2010, yêu cầu vốn điều lệ của các NHTM tối thiểu là 3.000 tỷ đồng);
- Thời gian hoạt động: NHTM có thời gian hoạt động trên 10 năm (kể cả thời gian đổi tên ngân hàng).

Từ những điều kiện trên, nhóm nghiên cứu tổng hợp dữ liệu của 25 NHTM thỏa mãn trong tổng số 34 ngân hàng trong nước với tổng số vốn điều lệ chiếm 76,86% tổng số vốn điều lệ của các NHTM Việt Nam.

3.2. Kết quả mô hình và nhận định

Kết quả nghiên cứu thu được như bảng giá trị ước lượng.

Dựa vào độ lớn và dấu của beta trong bảng giá trị ước lượng, phương trình toán học biểu diễn sự phụ

Tên biến	Giá trị ước lượng	Độ lệch chuẩn	Giá trị T	Prob.
C	0,0005822	0,284365	0,00	0,165
PROF	- 1,59312	0,77564	-2,23	0,42
COLL	- 0,0993	0,01112	-0,26	0,02
SIZE	0,073	0,023457	6,15	0,000
GROW	- 0,000657	0,002337	-0,4503	0,734

thuộc của Lev được biểu diễn như sau:

$$LEV = 0,0005822 - 1,59312PROF_{i,t-1} + 0,073Ln(SIZE)_{i,t-1} - 0,0993COLL_{i,t-1} - 0,000657GROW_{i,t}$$

Ý nghĩa của mô hình này: khi cố định các biến số còn lại, nếu một biến nào đó thay đổi 1%, với mức ý nghĩa 5%, đòn bẩy tài chính sẽ thay đổi trung bình tương ứng bằng:

- Lợi nhuận tăng/giảm 1%, đòn bẩy tài chính giảm/tăng 1,59312%;

- Quy mô ngân hàng tăng/giảm 1%, đòn bẩy tài chính tăng/giảm 0,073%;

- Tài sản thế chấp tăng/giảm 1 đơn vị, đòn bẩy tài chính giảm/tăng 0,0993%;

- Tăng trưởng tổng tài sản tăng/giảm 1%, đòn bẩy tài chính giảm/tăng 0,000657%;

Phương pháp được áp dụng để ước lượng tham số là phương pháp “Các giá trị kiểm định”. Kết hợp kiểm định T - test để kiểm định giả thuyết của mô hình (với khoảng tin cậy 95%).

Cặp giả thuyết kiểm định sự phù hợp của mô hình hồi quy như sau:

$$H_0: R^2 = 0 \text{ (Mô hình không phù hợp)}$$

$$H_1: R^2 \neq 0 \text{ (Mô hình phù hợp)}$$

Với độ tin cậy 95%, thực hiện kiểm định Ramsey RESET Test đối với mô hình 1 ta thu được kết quả như sau:

Dependent Variable: LEV			
Included observations: 25			
R - Squared	0,6174		
Durbin - Watson Stat	2,11216	Probability	0,0873

Kết quả mô hình và nhận xét:

Thứ nhất, $R^2 = 0,6174$ chứng tỏ các biến lợi nhuận, quy mô, tài sản thế chấp, tăng trưởng tổng tài sản giải thích được 61,74% sự biến động của biến phụ thuộc (đòn bẩy tài chính).

Mặt khác, giá trị quan sát của

$$R_2/(k-1) \quad (0,6174)/(6-1)$$

$$F = \frac{R_2/(k-1)}{(1-R_2)/(n-k)} = \frac{0,6174/5}{(1-0,6174)/(25-6)} = 6,13 < \text{giá trị } F(5,24)$$

$$(1-R_2)/(n-k) \quad (1-0,6174)/(25-6)$$

như vậy bác bỏ giả thuyết H_0 , tức mô hình có ý nghĩa thống kê và phù hợp với thực tế.

Thứ hai, kiểm định từng biến độc lập có tác động đến biến phụ thuộc hay không, ta dùng cặp giả thuyết sau kiểm định ý nghĩa thống kê của các hệ số góc:

$$H_0: \beta_j = 0 \quad H_1: \beta_j \neq 0$$

Theo kết quả của mô hình, đòn bẩy tài chính của ngân hàng chịu tác động của 3 biến độc lập là: lợi nhuận và tăng trưởng tổng tài sản, trong khi đó các biến tài sản thế chấp và quy mô không có ý nghĩa thống kê (có P- value = 0,02 và $0,00 < 5\%$). Điều này phù hợp với thực tế, bởi bản chất hoạt động của các NHTM là một trung gian tài chính, hầu như chỉ nhận tài sản thế chấp của các chủ thể vay vốn của nền kinh tế, mà không thế chấp tài sản của mình tại các doanh nghiệp khác. Chính vì vậy biến số này không có tác động nhiều đến việc sử dụng đòn bẩy tài chính tại các NHTM.

Thứ ba, ước lượng điểm của tỷ lệ Lợi nhuận/Tổng tài sản (PROF) là -1,59312 và P- value = 0,42, tức là có ý nghĩa thống kê ở mức 5%, điều này giải thích rằng 1% tăng trong tỷ lệ lợi nhuận sẽ có tác động làm giảm 1,59% đòn bẩy tài chính của các NHTM, điều này cũng phù hợp với các nghiên cứu trước như Gropp & Heidder (2009). Mối quan hệ nghịch chiều này là phù hợp với thực tế, bởi khi lợi nhuận của các NHTM tăng lên, trong trường hợp

các yếu tố khác không đổi hàm ý rằng chi phí của các NHTM giảm xuống (đặc biệt chi phí lớn nhất trong hoạt động của các NHTM là các khoản huy động vốn trong nền kinh tế). Trong bài nghiên cứu của Aivazian & cộng sự (2005) cũng tìm thấy biến này tác động thuận chiều lên đầu tư với mức ý nghĩa 5%. Nguyên nhân của kết quả này là do, sau giai đoạn khủng hoảng kinh tế 2008 - 2009, rất nhiều doanh nghiệp đã phá sản và không ít các doanh

nghiệp phải sáp nhập để tồn tại. Các cơ hội đầu tư trong nền kinh tế tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn trước. Điều này cũng ảnh hưởng đến hoạt động huy động vốn của NHTM. Mặt khác, tỷ lệ nợ xấu tăng vọt, các cơ hội đầu tư tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn. Vậy nên, các ngân hàng sử dụng đòn bẩy tài chính giảm đi.

Thứ tư, đối với Quy mô ngân hàng, kết quả hồi quy mang dấu dương như kỳ vọng ($\beta_3 < 0$), cho thấy việc quy mô của các ngân hàng tăng sẽ làm tăng đòn bẩy tài chính. Cụ thể: khi quy mô của hệ thống ngân hàng tăng 1% sẽ làm tăng 0,073% trong tỷ lệ đòn bẩy tài chính, phù hợp với thực tiễn hoạt động của các NHTM. Quy mô hệ thống NHTM càng lớn, trong khi đó vốn chủ sở hữu tăng hạn chế do những khó khăn trong việc huy động vốn từ nhà đầu tư làm cho tỷ lệ nợ/tổng tài sản lớn (chiếm khoảng 70-80%), dẫn đến đòn bẩy tài chính thường cao. Tuy nhiên ở đây cũng hàm ý chính sách huy động và cân đối vốn của các NHTM, các ngân hàng cần xây dựng chính sách cân đối trong quá trình phân phối kết quả tài chính cho việc chi trả cổ tức cổ đông và giữ lại phần lợi nhuận phù hợp bổ sung vào vốn chủ sở hữu để tăng quy mô vốn.

4. Một số khuyến nghị về việc sử dụng đòn bẩy tài chính đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam

Qua nghiên cứu về các yếu tố vi mô ảnh hưởng đến đòn bẩy tài chính của NHTM, và từ các phân tích về tình hình chung của NHTM Việt Nam, nhóm tác giả đưa ra một số khuyến nghị như sau:

Một là, từ kết quả của mô hình biến Lợi nhuận tác

động nghịch biến đến biến Đòn bẩy tài chính cho thấy khi lợi nhuận tăng thì đòn bẩy tài chính có xu hướng giảm. Điều này cho thấy rằng khi doanh nghiệp tăng trưởng, lợi nhuận cao, cần tận dụng cơ hội này để gia tăng vốn chủ sở hữu. Việc tăng vốn chủ sở hữu sẽ tăng được sức mạnh và tạo điều kiện cho ngân hàng phát triển ổn định sau này.

Hai là, biến Quy mô tác động đồng biến và biến Tài sản thế chấp tác động nghịch lên Đòn bẩy tài chính. Tức là, khi các ngân hàng có giá trị tài sản thế chấp cao với các tài sản chủ yếu là tài sản tài chính có độ rủi ro cao. Các ngân hàng nên thực hiện giảm các tài sản thế chấp có rủi ro cao này. Qua đó sẽ làm cho tài sản thế chấp có hệ số rủi ro thấp hơn, điều này sẽ được đánh giá cao từ các chủ nợ, các khách hàng gửi tiền. Đồng thời, NHTM có đòn bẩy tài chính thấp hoàn toàn có thể đẩy mạnh huy động nguồn vốn từ bên ngoài, dựa trên sự đánh giá cao của các khách hàng gửi tiền nhờ vào việc tái cấu trúc lại tài sản thế chấp, mà vẫn đảm bảo các tỷ lệ an toàn cho ngân hàng.

Ba là, kết quả nghiên cứu cho thấy đòn bẩy tài chính của các NHTM Việt Nam hiện khá thấp, trung bình khoản 90,27% trong nguồn vốn của ngân hàng. Trong khi đó, đòn bẩy tài chính của các NHTM ở các nước đang phát triển là 91,7% và các nước phát triển là 92,6%. Đòn bẩy tài chính của NHTM Việt Nam thấp một phần cũng là do kết quả từ việc tăng vốn theo quy định của ngân hàng nhà nước, nhưng lại chính là cơ hội cho các NHTM phát triển về tăng trưởng và quy mô ngân hàng. □

Tài liệu tham khảo

- A brief history of the Basel Committee (2015), retrieved on June 12th 2016, from <<http://www.bis.org/bcbs/history.pdf>>.
- Aivazian, VA, Ge, Y & Qiu, J (2005), 'The impact of leverage on firm investment: Canadian evidence', *Journal of Corporate Finance*, vol. 11, no. 1-2, 277-91.
- Donaldson, G. (1961), *Corporate debt capacity: a study of corporate debt policy and the determination of corporate debt capacity*, Boston, division of research, Harvard Graduate School of Business Administration.
- George A. Akerlof, A. Michael Spence, Joseph E. Stiglitz (2001), *Markets with Asymmetric Information*.
- Gropp & Heidder (2009), *The determinants of Bank capital structure*, Working Paper Series No 1096 September 2009.
- Monica Octavia & Rayna Brown (2008), *Determinants of Bank Capital Structure in Developing Countries: Regulatory Capital Requirement versus the Standard Determinants of Capital Structure*, Department of Finance The University of Melbourne, Victoria 3010, Australia.
- Myers & Majluf (1984), 'Corporate financing and investment decisions when firms have information that investors do not have', *Journal of Financial Economics*, 20, 237-265.